PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 23022410/KQ			Mã số: 0224110
Đơn vị yêu cầu:	**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**		
Địa chỉ:	Số 39, Đường Hoàng Diệu, Xã Tân Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu		
Ngày lấy mẫu:	23/02/2024	**Ngày trả kết quả**: 28/02/2024	
Loại mẫu:	Nước sạch	**Số lượng**: 01 mẫu	
Vị trí lấy mẫu:	Tại nhà máy nước Long Tân – Thị trấn Đất Đỏ, Huyện Đất Đỏ		
Tình trạng mẫu:	Mẫu đựng trong 1 chai thủy tinh 500mL và 1 bình nhựa 2L		

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2022/BRVT
1	(a)(b) Độ màu	Pt – Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=5)	**15**
2	(a)(b) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	0,21	**2**
3	(a)(b) pH	--	TCVN 6492 : 2011	7,30	**6,0 – 8,5**
4	(a)(b) Mùi vị	--	HDPT-N.03:2021 (Ref SMEWW 2150B:2017) + HDPT-N.04:2021 (Ref SMEWW 2160B:2017)	Không có mùi, vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
5	(b) Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3114B,C:2017	KPH (LOD=0,002)	**0,01**
6	(a)(b) Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B : 2017	0,5	**0,2 – 1,0**
7	(a)(b) *Coliforms*	CFU/100mL	ISO 9308-I:2014/Amd.I:2016	KPH (LOD=1)	**<3**
8	(a)(b) *E.coli*	CFU/100mL	ISO 9308-I:2014/Amd.I:2016	KPH (LOD=1)	**<1**

QCĐP 01:2022/BRVT: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

(--): Không quy định, (KPH): Không phát hiện.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận - VILAS 599, (b): Chỉ tiêu được chứng nhận Nghị định 107

Trưởng nhóm phân tích | **GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT**

Trần Trọng Nhân | **VÕ THỊ TÚ TRINH**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 23022410/KQ	Mã số: 0224111
Đơn vị yêu cầu:	**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**
Địa chỉ:	Số 39, Đường Hoàng Diệu, Xã Tân Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Ngày lấy mẫu:	23/02/2024 **Ngày trả kết quả**: 28/02/2024
Loại mẫu:	Nước sạch **Số lượng**: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu:	Tại hộ Phan Văn Tèo – khu phố Thanh Bình, thị trấn Đất Đỏ
Tình trạng mẫu:	Mẫu đựng trong 1 chai thủy tinh 500mL và 1 bình nhựa 2L

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2022/BRVT
1	(a)(b) Độ màu	Pt – Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=5)	**15**
2	(a)(b) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	0,42	**2**
3	(a)(b) pH	--	TCVN 6492 : 2011	7,20	**6,0 – 8,5**
4	(a)(b) Mùi vị	--	HDPT-N.03:2021 (Ref SMEWW 2150B:2017) + HDPT-N.04:2021 (Ref SMEWW 2160B:2017)	Không có mùi, vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
5	(b) Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3114B,C:2017	KPH (LOD=0,002)	**0,01**
6	(a)(b) Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B : 2017	0,5	**0,2 – 1,0**
7	(a)(b) *Coliforms*	CFU/100mL	ISO 9308-I:2014/Amd.I:2016	KPH (LOD=1)	**<3**
8	(a)(b) *E.coli*	CFU/100mL	ISO 9308-I:2014/Amd.I:2016	KPH (LOD=1)	**<1**

QCĐP 01:2022/BRVT: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

(--): Không quy định, (KPH): Không phát hiện.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận - VILAS 599, (b): Chỉ tiêu được chứng nhận Nghị định 107

Trưởng nhóm phân tích	GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
Trần Trọng Nhân	VÕ THỊ TÚ TRINH

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 23022410/KQ	Mã số: 0224112
Đơn vị yêu cầu:	**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**
Địa chỉ:	Số 39, Đường Hoàng Diệu, Xã Tân Hưng, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Ngày lấy mẫu:	23/02/2024 **Ngày trả kết quả**: 28/02/2024
Loại mẫu:	Nước sạch **Số lượng**: 01 mẫu
Vị trí lấy mẫu:	Tại hộ Nguyễn Văn Tâm – khu phố Phước Sơn, thị trấn Đất Đỏ
Tình trạng mẫu:	Mẫu đựng trong 1 chai thủy tinh 500mL và 1 bình nhựa 2L

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2022/BRVT
1	(a)(b) Độ màu	Pt – Co	TCVN 6185:2015	KPH (LOD=5)	**15**
2	(a)(b) Độ đục	NTU	SMEWW 2130B:2017	0,39	**2**
3	(a)(b) pH	--	TCVN 6492 : 2011	7,20	**6,0 – 8,5**
4	(a)(b) Mùi vị	--	HDPT-N.03:2021 (Ref SMEWW 2150B:2017) + HDPT-N.04:2021 (Ref SMEWW 2160B:2017)	Không có mùi, vị lạ	**Không có mùi, vị lạ**
5	(b) Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3114B,C:2017	KPH (LOD=0,002)	**0,01**
6	(a)(b) Clo dư	mg/L	SMEWW 4500-Cl^-.B : 2017	0,4	**0,2 – 1,0**
7	(a)(b) *Coliforms*	CFU/100mL	ISO 9308-I:2014/Amd.I:2016	KPH (LOD=1)	**<3**
8	(a)(b) *E.coli*	CFU/100mL	ISO 9308-I:2014/Amd.I:2016	KPH (LOD=1)	**<1**

QCĐP 01:2022/BRVT: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ghi chú: Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

(--): Không quy định, (KPH): Không phát hiện.

(a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận - VILAS 599, (b): Chỉ tiêu được chứng nhận Nghị định 107

Trưởng nhóm phân tích	GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
Trần Trọng Nhân	VÕ THỊ TÚ TRINH